

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63A /2024/HS-ST

Ngày: 27 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tuyên.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Nguyễn Văn Đại
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Y.
- **Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5//2024, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2024/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/HSST-QĐ ngày 20/5/2024, đối với bị cáo:

Đỗ Văn H, sinh năm 1964; STQ: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 1/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ trước khi phạm tội: Không; Con ông: Đỗ Văn Ch (đã chết)và bà Vũ Thị M, (đã chết); Gia đình có 7 anh chị em, bị cáo là thứ năm; Vợ: Lê Thị Th, sinh năm 1966; Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024 đến ngày 17/01/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn H theo chỉ định của cơ quan tiến hành tố tụng: Bà Lê Thị Thanh Hiền - Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Quang C, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Đ, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

3. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1970.

Đều trú tại: Thôn Trai Trang, TT. Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Đều vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã Tr, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

2. Ông Trương Văn X, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Ngh, TT Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 40 phút ngày 11/01/2024, tại khu vực vỉa hè phía trước công Trung tâm chính trị huyện Y, thuộc thôn Nghĩa Trang, thị trấn Y, huyện Y, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y, tỉnh Hưng Yên kiểm tra, phát hiện: Đỗ Văn H, sinh năm 1964 ở thôn Đ, thị trấn Y đang có hành vi thu số tiền lãi một tháng là 3.000.000 đồng của anh Phạm Quang C sinh năm 1985, trú tại: Thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y đối với khoản vay 30.000.000 đồng của anh C vay H trước đó. Công an huyện Y đã lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng gồm: Thu của Đỗ Văn H: Số tiền 3.000.000 đồng (niêm phong ký hiệu T1); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 Plus màu vàng gắn 01 sim thuê bao Viettel 0961.904.177 (niêm phong ký hiệu ĐT1) và 01 điện thoại di động OPPO A15 màu trắng gắn 01 sim Viettel 0373.371.758 (niêm phong ký hiệu ĐT2).

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đỗ Văn H, không phát hiện thu giữ đồ vật gì.

Cùng ngày 11/01/2024, Đỗ Văn H đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú, khai nhận diễn biến Hành vi phạm tội như sau:

Trong quá trình làm ăn, sinh sống tại địa phương Đỗ Văn H thấy trên địa bàn thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, có nhiều người có nhu cầu vay tiền nên H đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền lấy lãi với mức lãi suất cho vay khoảng 1.000.000 đồng tiền lãi/ 10.000.000 đồng tiền vay/ 01 tháng vay, tương đương lãi suất 120%/ 01 năm (0,33%/ ngày). Người vay không phải ký, viết giấy vay tiền, không phải cầm cố, thế chấp đồ vật, tài liệu, giấy tờ gì để đảm bảo khoản vay. Đỗ Văn H sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone6 Plus màu vàng gắn 01 sim thuê bao Viettel 0961.904.177 của H để liên lạc đôn đốc người vay tiền trả lãi, tiền vay cho H.

Trong khoảng thời gian từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/01/2024, Đỗ Văn H đã cho 03 người vay tiền và thu lãi cao như sau:

** Đối với khoản vay của anh Phạm Quang C sinh năm 1985, trú tại: thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y:*

Ngày 06/02/2022, anh Phạm Quang C đến nhà Đỗ Văn Hoá vay của Hoá số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để chi tiêu cá nhân. Anh C và H thống nhất lãi suất của khoản vay là 3.000.000 đồng/tháng, trả lãi theo tháng vào các ngày mùng 06 dương lịch, không cắt lãi trước. Khi hai bên thoả thuận xong, H đưa cho anh C số tiền 30.000.000 đồng. Theo thoả thuận, vào các ngày 06/3/2022, 06/04/2022, 06/5/2022, 06/6/2022, 06/7/2022, 06/8/2022, 06/9/2022, 06/10/2022, 06/11/2022, 06/12/2022, 06/01/2023, 06/02/2023, 06/3/2023, 06/4/2023, 06/5/2023, 06/06/2023, 06/07/2023 (dương lịch), anh C đã trả các khoản tiền lãi theo kỳ lãi hàng tháng cho H, tại các địa điểm khác nhau thuộc thị trấn Y, huyện Y (*không xác định được địa chỉ cụ thể*), với số tiền mỗi lần (kỳ hạn 01 tháng) là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Sau đó, vào các ngày 06/08/2023, 06/09/2023, 06/10/2023, 06/11/2023, 06/12/2023, 06/01/2024, do anh C chưa trả tiền lãi hàng tháng theo thoả thuận nên H đã nhiều lần gọi điện từ số điện thoại “0961.904.177” của H đến số điện thoại “0986.133.381” của anh C để đòi tiền lãi nhưng anh C đều xin khất nợ và được H đồng ý. Đến sáng ngày 11/01/2024, anh

C gọi điện thoại hẹn H ra khu vực vỉa hè phía trước cổng Trung tâm chính trị huyện Y, thuộc thôn Nghĩa Trang, thị trấn Y, huyện Y để trả tiền lãi, thì H đồng ý. Sau đó, đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H và anh C đến gặp nhau tại điểm hẹn. Tại đây, anh C nói với H “*Cháu trả chủ 03 triệu tiền lãi tháng 12/2023, lãi mấy tháng trước chủ cho cháu trả sau*” thì Hoà đồng ý. Rồi anh C lấy trong người ra số tiền 3.000.0000 đồng (*Ba triệu đồng*) đưa cho H cầm. Ngay lúc này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y phát hiện, lập biên bản vụ việc và tạm giữ những vật chứng liên quan như đã nêu ở trên.

Theo như thỏa thuận, thì từ ngày vay 06/02/2022 đến ngày bị phát hiện 11/01/2024 (705 ngày), anh C sẽ phải trả tiền lãi cho H 23 tháng 05 ngày = 69.500.000 đồng. Nhưng thực tế anh C mới trả được 18 tháng tiền lãi là 54.000.000 đồng. Còn nợ 05 tháng 05 ngày tiền lãi là 15.500.000 đồng và tiền gốc là 30.000.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/năm của khoản vay (*tức tiền gốc*) là: 30.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 705 ngày = 11.589.041 đồng. Như vậy, số tiền mà Đỗ Văn H sẽ thu lợi bất chính theo thỏa thuận là: 69.500.000 đồng – 11.589.041 đồng = **57.910.959 đồng**. Nhưng thực tế, Đỗ Văn H mới thu tiền lãi của anh C là 54.000.000 đồng (trong đó có số tiền lãi hợp pháp là 11.589.041 đồng) nên thực tế, số tiền thu lợi bất chính H đã thu của anh C là **42.410.959 đồng**.

** Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị NhN, sinh năm 1970, trú tại: Thôn Trai Trang, thị trấn Y, huyện Y:*

Ngày 21/01/2023 (*tức ngày 30/12/2022 âm lịch*), bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1970, ở thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y đến nhà Đỗ Văn H, vay của H số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) để làm ăn buôn bán. Bà Nh và H thống nhất lãi suất của khoản vay là 2.000.000 đồng/tháng, trả lãi theo tháng vào các ngày cuối tháng âm lịch, cắt lãi trước tiền lãi của 01 tháng. Khi hai bên thỏa thuận xong, H đưa cho bà Nh số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*). Theo thỏa thuận, vào các ngày 29/01/2023, 30/02/2023, 29/02/2023 (*tháng dư*), 29/3/2023, 30/4/2023, 30/5/2023, 29/6/2023 (*âm lịch*), Hoà đều đến sạp bán hoa quả của bà Nh tại thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y để thu tiền lãi hàng tháng, với số tiền mỗi lần là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Vào các ngày 30/7/2023, 30/8/2023, 29/9/2023, 30/10/2023 (*theo âm lịch*), H đều đến sạp bán hoa quả của bà Nh để thu các khoản tiền lãi hàng tháng là 2.000.000 đồng, nhưng mỗi lần bà Nh chỉ trả được 1.000.000 đồng tiền lãi và xin nợ lại 1.000.000 đồng tiền lãi của mỗi tháng đó, được H đồng ý. Đến ngày 10/01/2024 (*tức ngày 29/11/2023 âm lịch*), H đến sạp hoa quả của bà Nh để thu tiền lãi tháng tiếp theo, nhưng do chưa có tiền trả lãi nên bà Nh lại xin khát để một vài hôm sau trả H.

Theo như thỏa thuận, thì từ ngày vay 21/01/2023 (*tức ngày 30/12/2022 âm lịch*) đến ngày bị phát hiện 11/01/2024 (356 ngày), bà Nh sẽ phải trả tiền lãi cho H 13 tháng = 26.000.000 đồng. Nhưng thực tế bà Nh mới trả được 20.000.000 đồng tiền lãi. Còn nợ 6.000.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/năm của khoản vay (*tức tiền gốc*) là: 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 356 ngày = 3.901.370 đồng. Như vậy, số tiền mà Đỗ Văn H sẽ thu lợi

bất chính theo thỏa thuận là: 26.000.000 đồng – 3.901.370 đồng = **22.098.630 đồng**. Nhưng thực tế, Đỗ Văn H mới thu tiền lãi của bà Nh là 20.000.000 đồng (trong đó có số tiền lãi hợp pháp là 3.901.370 đồng) nên thực tế, số tiền thu lãi bất chính H đã thu của bà Nh là **16.098.630 đồng**.

** Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Tr, thị trấn Y, huyện Y:*

Vào ngày 21/01/2023 (tức ngày 30/12/2022 âm lịch), bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 ở thôn Trai Trang, thị trấn Y, huyện Y đến nhà của Đỗ Văn H, vay của H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để chi tiêu cá nhân. Bà H và H thống nhất lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng, trả lãi theo tháng âm lịch vào các ngày cuối tháng âm lịch, cắt lãi trước tiền lãi của 01 tháng. Khi hai bên thỏa thuận xong, H đưa cho bà H số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Theo thỏa thuận, vào các ngày 29/01/2023, 30/02/2023 (âm lịch), H đều đến nhà bà H để thu tiền lãi Hng tháng, với số tiền mỗi lần là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Vào các ngày 29/02/2023 (tháng dư), 30/10/2023 (âm lịch), Hoá đều đến nhà bà H để thu các khoản tiền lãi Hng tháng là 2.000.000 đồng, nhưng mỗi lần bà H chỉ trả được 1.000.000 đồng tiền lãi và xin nợ lại 1.000.000 đồng tiền lãi của mỗi tháng đó, được H đồng ý. Các lần trả lãi còn lại, Hoá đều đến nhà bà H thu tiền lãi nhưng do chưa có tiền nên bà H đều xin khất nợ lại tiền lãi của Hoá. Đến ngày 10/01/2024 (tức ngày 29/11/2023 âm lịch), Hoá đến nhà bà H để thu tiền lãi nhưng do chưa có tiền trả lãi nên bà H lại xin khất để một vài hôm sau trả H.

Theo như thỏa thuận, thì từ ngày vay 21/01/2023 (tức ngày 30/12/2022 âm lịch) đến ngày bị phát hiện 11/01/2024 (356 ngày), bà H sẽ phải trả tiền lãi cho H 13 tháng = 26.000.000 đồng. Nhưng thực tế bà H mới trả được 8.000.000 đồng tiền lãi. Còn nợ 18.000.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền gốc.

Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền lãi hợp pháp được thu không quá 20%/năm của khoản vay (tức tiền gốc) là: 20.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 356 ngày = 3.901.370 đồng. Như vậy, số tiền mà Đỗ Văn H sẽ thu lợi bất chính theo thỏa thuận là: 26.000.000 đồng – 3.901.370 đồng = **22.098.630 đồng**. Nhưng thực tế, Đỗ Văn H mới thu tiền lãi của bà H là 8.000.000 đồng (trong đó có số tiền lãi hợp pháp là 3.901.370 đồng) nên thực tế, số tiền thu lãi bất chính H đã thu của bà H là **4.098.630 đồng**.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng đã thu giữ xác định là tiền của anh C trả lãi một tháng cho bị cáo H nên Cơ quan điều tra đã nộp số tiền này vào tài khoản tạm giữ của Công an huyện tại Kho bạc nhà nước Y chờ xử lý.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 Plus màu vàng gắn 01 sim thuê bao Viettel 0961.904.177 xác định là tài sản của bị cáo H sử dụng để liên lạc, giao dịch cho vay lãi nặng và 01 điện thoại di động OPPO A15 màu trắng gắn 01 sim Viettel 0373.371.758 xác định là tài sản của bị cáo H không liên quan đến tội phạm. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng Công an huyện Y để chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền vay gốc 70.000.000 đồng, anh C, bà Nh, bà H chưa trả lại cho bị cáo H.

- Tổng số tiền thu lợi bất chính thực tế bị cáo H đã thu của anh C, bà Nh và bà H là 62.608.219 đồng. Trong đó: Đối với khoản vay của anh Phạm Quang C là

42.410.959 đồng; của bà Nguyễn Thị Nh là 16.098.630 đồng; của bà Nguyễn Thị H là 4.098.630 đồng. Tại quá trình điều tra: Anh C, bà Nh và bà H có quan điểm không đề nghị gì về số tiền này.

Quá trình điều tra, bị cáo Đỗ Văn H đã tHnh khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 48/CT-VKS-YM ngày 05/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo Đỗ Văn H về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 92 Luật THAHS; điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 15; khoản 3 Điều 57 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đề nghị xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo: Đỗ Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y còn đề nghị về đường lối xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp trong vụ án.

- Bị cáo Đỗ Văn H nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội và thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, được nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét việc bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự ra đầu thú; bị cáo và con trai bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương và có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là thương binh, người có công với cách mạng để áp dụng điểm i, s, v, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất và miễn án phí cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra - Công an huyện Y và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai, do đó sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về Hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản niêm phong vật chứng, biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/02/2022 đến ngày 11/01/2024, Đỗ Văn H đã cho anh Phạm Quang C, bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị H vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng, với lãi suất vay là 1.000.000 đồng/ 10.000.000 đồng tiền vay/ 1 tháng vay, tương đương với mức lãi suất là 0,33%/1 ngày và 120%/1 năm, cao gấp 06 lần so với mức lãi suất cao nhất cho phép trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nhằm thu lợi bất chính số tiền là **102.108.219 đồng**. Thực tế, bị cáo H đã thu được tổng số tiền lãi là 82.000.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính số tiền là 62.608.219 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xét xử bị cáo với mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đáp ứng yêu cầu răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung và cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất và hậu quả để quyết định hình phạt phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự ra đầu thú; bị cáo và con trai bị cáo là anh Đỗ Thế A có đơn xin cho bị cáo cải tạo tại địa phương và có xác nhận của chính quyền địa phương; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo là Thương binh loại A và được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, v, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền thu lợi bất chính bị cáo nhằm thu lợi bất chính là 102.108.219 đồng. Nhưng thực tế, bị cáo mới thu lợi bất

chính được số tiền là 62.608.219 đồng vì nguyên nhân ngoài ý muốn của bị cáo. Nên khi quyết định hình phạt sẽ áp dụng Điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự về phạm tội chưa đạt cho bị cáo H. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà sẽ áp dụng quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo và phải chịu một thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích tác dụng của hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thu nhập không ổn định, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 Plus màu vàng gắn 01 sim thuê bao Viettel 0961.904.177 xác định là tài sản của bị cáo H sử dụng để liên lạc, giao dịch cho vay lãi nặng nên cần tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động OPPO A15 màu trắng gắn 01 sim Viettel 0373.371.758 xác định là tài sản của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

Về vật chứng là số tiền bị thu giữ:

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng thu giữ là tiền lãi anh C trả cho bị cáo H ngày 11/01/2024. Đây là số tiền phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ NH nước.

Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội:

Đối với tổng số tiền 70.000.000 đồng bị cáo H dùng cho vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng anh Phạm Quang C đã vay chưa trả cho bị cáo H nên cần buộc anh C nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Nh đã vay chưa trả cho bị cáo H nên cần buộc bà Nh nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng bà Nguyễn Thị H đã vay chưa trả cho bị cáo H nên cần buộc bà H nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Số tiền tương ứng tiền lãi mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS (20%) do bị cáo H thu được từ việc cho anh C, bà Nh và bà H vay là: $11.589.041 + 3.901.370 + 3.901.370 = 19.391.781$ đồng. Đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo H sung ngân sách Nhà nước. Đối trừ số tiền 3.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo nên cần truy thu của bị cáo H số tiền 16.391.781 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Đối với các khoản tiền bị cáo thu cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự (số tiền thu lợi bất chính):

Tổng số tiền bị cáo H thu lãi cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự từ ba người vay là 62.608.219 đồng, trong đó: Của anh C là 42.410.959 đồng; của bà Nh là 16.098.630 đồng; của bà H là 4.098.630 đồng, cần buộc bị cáo H trả lại số tiền này cho những người vay. Tuy nhiên, tại quá trình điều tra: Anh C, bà Nh và bà H có quan điểm không đề nghị gì về số tiền này nên cần truy thu của bị cáo H số tiền 62.608.219 đồng sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ miễn án phí cho bị cáo.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 15; khoản 3 Điều 57; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 92 Luật THAHS; Điều 331, Điều 333; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo: Đỗ Văn H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 Plus màu vàng gắn 01 sim thuê bao Viettel 0961.904.177 của bị cáo H phát mại sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động OPPO A15 màu trắng gắn 01 sim Viettel 0373.371.758.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bị cáo Đỗ Văn H tổng số tiền là: 62.608.219 đồng (Tiền lãi cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự từ khoản vay của anh C, bà Nh, bà H) + 19.391.781 (Tiền lãi ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định BLDS) = **82.000.000 đồng**. Đối trừ số tiền 3.000.000 đồng đã thu giữ

của bị cáo H. Còn tiếp tục phải truy thu của bị cáo H số tiền **79.000.000 đồng** (Bảy mươi chín triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của anh Phạm Quang C đối với số tiền gốc mà anh C vay của bị cáo H chưa trả là: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bà Nguyễn Thị Nh đối với số tiền gốc mà bà Nh vay của bị cáo H chưa trả là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước của bà Nguyễn Thị H đối với số tiền gốc mà bà H vay của bị cáo H chưa trả là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

(Đặc điểm, tình trạng chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 06/5/2024 giữa Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Y và Công an huyện Y và Giấy ủy nhiệm chi ngày 06/5/2024).

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Văn H.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Y;
- Cơ quan THAHS CA huyện Y; Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyên